

ÔN TẬP CHƯƠNG III

I. Mục tiêu:

- Hs được hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của phân số và ứng dụng, so sánh phân số.
- Các phép tính về phân số và tính chất.
- Rèn luyện kỹ năng rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x.
- Rèn luyện khả năng so sánh, phân tích, tổng hợp của hs.

II. Chuẩn bị:

- Hs ôn tập chương III theo nội dung câu hỏi (sgk/tr 72).
- Bài tập 154 - 161 (sgk/tr 64).

III. Hoạt động dạy và học:

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

3. Dạy bài mới

Hoạt động của gv	Hoạt động của hs	Ghi bảng
HD 1: củng cố khái niệm phân số Gv: Phân số dùng để	Hs: Phát biểu khái niệm phân số. Hs: Vận dụng ý nghĩa	I. Khái niệm phân số, tính chất cơ bản của phân số 1. Khái niệm phân số

chỉ kết quả của phép chia số nguyên cho số nguyên khi phép chia không hết Gv: Hướng dẫn trả lời các câu 1, 2 (sgk/tr 62). Dựa theo các ghi nhớ sgk (phần phân số).	của phân số tìm các giá trị x như phần bên. Hs: Viết dạng tổng quát của phân số. Cho ví dụ một phân số lớn hơn 0, phân số nhỏ hơn 0, phân số lớn hơn 0 nhưng nhỏ hơn, phân số lớn hơn 1. - Phân số bằng nhau, cho ví dụ.	BT 154 (sgk/tr 64) a) $x < 0$ b) $x = 0$ c) $x \in \{1; 2\}$ d) $x = 3$. e) $x \in \{4; 5; 6\}$
HĐ 2: Tính chất cơ bản của phân số Gv: Phát biểu tính chất cơ bản của phân số dạng tổng quát? Gv: Chú ý cách chia tử và mẫu của phân số cho cùng một ƯCLN của chúng ta được phân số tối giản. Gv: Hướng dẫn trả lời câu 4, 5 (sgk/tr 62).	Hs: Phát biểu tính chất tương tự sgk. - Áp dụng vào bài tập 155 (Điền số thích hợp vào ô trống) Hs: Phát quy tắc tương	2. Tính chất cơ bản của phân số BT 155 (sgk/tr 64) $-\frac{12}{16} = \frac{-6}{8} = \frac{9}{-12} = \frac{21}{-28}$ BT 156 (sgk/tr 64)

Gv: Quy tắc rút gọn phân số? Thế nào là phân số tối giản? Gv: Muốn rút gọn bài tập 156, ta thực hiện như thế nào? Gv: Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu ta thực hiện như thế nào? Gv: củng cố các cách so sánh khác: Dựa theo định nghĩa hai phân số bằng nhau, so sánh với 0, với 1 Gv: Lưu ý hs có thể so sánh theo nhiều cách khác nhau. HD 3: Quy tắc các phép tính về phân số Gv: Sử dụng bảng phụ (sgk/tr 63). - Củng cố từng phát biểu bằng lời và dạng	tự sgk. Hs: Áp dụng tính chất phân phối sau đó rút gọn theo quy tắc. Hs: Phát biểu quy tắc (tức câu hỏi 7 (sgk/tr 62)). Hs : Vận dụng các quy tắc so sánh vào bài tập 158 (sgk/tr 64). Hs: Quan sát bảng phụ và trả lời các câu hỏi của giáo viên dựa theo nội dung phần lý thuyết tổng quát của bảng phụ.	a) $\frac{7.25 - 49}{7.24 + 21} = \frac{2}{3}$ b) $\frac{2.(-13).9.10}{(-3).4.(-5).26} = \frac{-3}{2}$ BT 158 (sgk : tr 64) . a) $\frac{3}{-4} < 0 < \frac{-1}{-4}$ nên $\frac{3}{-4} < \frac{-1}{-4}$ b) Ta có : $\frac{15}{17} + \frac{2}{17} = 1$ $\frac{25}{27} + \frac{2}{27} = 1$ nhưng $\frac{2}{17} > \frac{2}{27}$ $\Rightarrow \frac{15}{17} < \frac{25}{27}$ II. Quy tắc các phép tính III. Tính chất của phép cộng và phép nhân phân số
---	---	--

tổng quát. HĐ 4: Vận dụng các tính chất cơ bản của phép tính vào giải bài tập 161 (sgk/tr 64) Gv: Yêu cầu hs xác định thứ tự thực hiện các phép tính. - Lưu ý chuyển tất cả sang dạng phân số và thực hiện theo thứ tự quy định.	Hs: Thực hiện tính trong (), chuyển tất cả sang phân số và thực hiện như phần bên.	BT 161 (sgk/tr 64) $A = -1,6 : \left(1 + \frac{2}{3}\right) = -1,6 : \frac{5}{3} = -0,96$ $B = 1,4 \cdot \frac{15}{49} - \left(\frac{4}{5} + \frac{2}{3}\right) : 2\frac{1}{5}$ $= \frac{21}{49} - \frac{12+10}{15} = \frac{3}{7} - \frac{22}{15} \cdot \frac{5}{11} = \frac{-5}{21}$
---	---	--

4. Củng cố:

- Ngay sau phần bài tập có liên quan.

5. Hướng dẫn học ở nhà:

- Hs nắm lại phần lý thuyết đã ôn tập.
- Hoàn thành phần bài tập còn lại sgk, chuẩn bị tiết “Ôn tập chương III (tt)”

ÔN TẬP CHƯƠNG III (tt)

I. Mục tiêu:

- Tiếp tục củng cố các tính chất trọng tâm của chương, hệ thống ba bài toán cơ bản về phân số.
- Rèn luyện kỹ năng tính giá trị biểu thức, giải toán đồ.
- Có ý thức áp dụng các quy tắc để giải một số bài toán thực tế.

II. Chuẩn bị

- Lý thuyết có liên quan và bài tập còn lại phần ôn tập chương III (sgk/tr 65).

III. Hoạt động dạy và học

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

3. Dạy bài mới

Hoạt động của gv	Hoạt động của hs	Ghi bảng
HĐ 1: Áp dụng các quy tắc phép tính, tìm x Gv: Xác định thứ tự thực hiện các bước tìm x? Gv: Lưu ý kết hợp quy	Hs: Quan sát đề bài toán - Xem phần trong () là số bị chia, áp dụng quy	BT 162 (sgk/tr 65) a) $(2,8x - 32) : \frac{2}{3} = -90 \Rightarrow x = -10$ b) $x = 2$.

tắc chuyển về và quy tắc “Tiểu học”, xét lần lượt với từng “số đã biết” chuyển phần số sang một về, về còn lại là x. HD 2: Vận dụng bài toán 2 tìm một số khi biết giá trị phân số của nó Gv: Muốn biết Oanh mua sách với giá bao nhiêu ta cần tìm gì? Gv: Hướng dẫn giải tương tự phần bên. HD 3: củng cố việc tìm tỉ số của hai số Gv: Hướng dẫn hs nắm “giả thiết” bài toán. - Đề bài cho ta biết gì? Gv: Ví dụ lãi suất hàng tháng là 1% , điều đó có nghĩa gì? Gv: Áp dụng tương tự,	tắc tìm số bị chia, rồi tìm số bị trừ, thừa số chưa biết, ta tìm được x như phần bên. Hs: Phát biểu quy tắc tương tự sgk. Hs: Tìm giá bìa cuốn sách - Giá bìa – phần tiền giảm giá, ta được số tiền phải trả. Hs: Cho biết số tiền gửi và lãi suất hàng tháng. Hs: Nghĩa là nếu gửi 100 000đ thì mỗi tháng được lãi 1000đ. Hs: Tính tương tự như	BT 164 (sgk/tr 65) Giá bìa của cuốn sách là: $1\,200 : 10\% = 12\,000\text{đ}$ Oanh đã mua cuốn sách với giá : $12\,000 - 1\,200 = 10\,800\text{đ}.$ BT 165 (sgk/tr 65) - Lãi suất một tháng là: $\frac{11200}{2000000} = 0,56\%$
--	---	--

để tính lãi suất ở bài này ta thực hiện như thế nào? HD 4: Bài tập tổng hợp rèn luyện khả năng phân tích bài toán Gv: Hướng dẫn tìm hiểu bài tương tự các hoạt động trên. Gv: Hướng dẫn hs tìm loại bài tập cơ bản về phân số để áp dụng. - Cần biết số hs của lớp nhờ vào 8 hs tăng. - Số hs giỏi HKI so với cả lớp? (ở HKI và HKII) - Phân số thể hiện số lượng hs tăng? - Áp dụng bài toán 1, suy ra số hs giỏi như phần bên	phần bên. Hs: Hoạt động tương tự như phần trên. Hs: Tìm số phần hs giỏi HKI so với cả lớp. - Tương tự với HKII. - Tìm hiệu hai phân số vừa tìm. - Suy ra số hs cả lớp và tìm số hs giỏi như phần bên.	BT 166 (sgk/tr 65). Số hs giỏi 6D HKI bằng $\frac{2}{2+7} = \frac{2}{9}$ số hs cả lớp . Số hs giỏi 6D HKII bằng $\frac{2}{2+3} = \frac{2}{5}$ số hs cả lớp . Vậy 8 hs giỏi chính là : $\frac{2}{5} - \frac{2}{9} = \frac{8}{45}$ Suy ra số hs lớp 6D là : $8 : \frac{8}{45} = 45$ (hs) . - Số hs giỏi là : $45 \cdot \frac{2}{9} = 10$ (hs)
---	--	---

4. Củng cố:

- Ngay phần bài tập có liên quan.

5. Hướng dẫn học ở nhà

- Hoàn thành phần bài tập còn lại sgk tương tự các bài đã giải.
- Ôn tập lại kiến thức toán HKII (cả số và hình học), chuẩn bị cho “Kiểm tra HKII”.